

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
THỦY SẢN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
THỦY SẢN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tiền thân là Công ty Công Nghiệp Thủy Sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải Sản Biển Đông, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 532/QĐ-BTS ngày 30 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy Sản. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302166033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2008 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 33.000.000.000 VND và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 04 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 33.000.000.000 VND lên 42.000.000.000 VND.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 06 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Tuyết Mai thay cho ông Nguyễn Hữu Lộc và thay đổi địa chỉ công ty từ 30 Hàm Nghi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh sang 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Trương Tùng Hưng thay cho bà Bùi Thị Tuyết Mai.

• **Vốn điều lệ : 42.000.000.000 VND**

• **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : 211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-08) 3 8 729 751
Fax : (84-08) 3 8 729 749
Mã số thuế : 0 3 0 2 1 6 6 0 3 3

• **Hoạt động chính của Công ty:**

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đầu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải thủy;
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch	05/05/2012	
Ông Đỗ Trung Chuyên	Ủy viên		
Bà Võ Ngọc Thắm	Ủy viên		10/05/2013
Ông Nguyễn Bảy	Ủy viên		
Ông Phan Ngọc Chúc	Ủy viên	10/05/2013	
Ông Trương Tùng Hưng	Ủy viên		

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban	05/05/2012	10/05/2013
Lê Đình Dương	Thành viên	05/05/2012	10/05/2013
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Thành viên	05/05/2012	
Bà Tống Thị Ngọc Oanh	Trưởng ban	10/05/2013	
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	10/05/2013	
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên	10/05/2013	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	16/05/2012	
Ông Nguyễn Bảy	Phó Tổng Giám đốc	16/05/2012	
Bà Bùi Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	16/05/2012	03/12/2013
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Kế toán trưởng	16/05/2012	

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



TRƯƠNG TÙNG HƯNG – Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận liên quan đến khoản Phải trả người bán số tiền: 3.066.571.054 VND (Xem thuyết minh số V.12). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các khoản trên. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh khoản chi phí lãi vay của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam năm 2012 và năm 2013 số tiền lần lượt là 1.965.821.319 VND, 2.998.400.000 VND. Nếu ghi nhận khoản chi phí lãi vay này thì trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu "chi phí tài chính" tăng lên số tiền 2.998.400.000 VND, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế và thuế TNDN giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc báo cáo này một số vấn đề sau:

Trong năm Công ty làm thủ tục chuyển nhượng một số tài sản cố định là quyền sử dụng đất của Công ty Aquafeed Cửu Long để bù trừ một phần khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi số tiền” 4.045.500.000 VND. Toàn bộ số tài sản này được Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Tân là thành viên HĐQT và Ông Trần Văn Khuynh phó phòng nghiên cứu phát triển thị trường đứng tên sở hữu theo nghị quyết số 30A/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 138.783.973.756 VND (Xem thuyết minh số V.19). Với nguồn vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 42.000.000.000 VND thì khoản lỗ trên đã vượt quá vốn kinh doanh hiện tại của Công ty là 93.415.277.493 VND. Cũng tại ngày này, khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 110.223.938.109 VND và tổng nợ phải trả của Công ty đã vượt quá tổng tài sản 93.415.277.493 VND. Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty đang có phương án tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh nên báo cáo này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THÊ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1.

NGUYỄN THỊ THOM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.542.933.369	19.896.244.174
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.425.483.999	1.193.390.356
Tiền	111		1.425.483.999	1.193.390.356
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		7.688.729.797	11.947.808.522
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	106.813.136.399	114.681.090.752
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.000.000	251.543.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	19.892.780.180	19.868.404.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.2	(119.020.186.782)	(122.853.230.113)
IV. Hàng tồn kho	140		6.378.902.573	6.688.540.296
Hàng tồn kho	141	V.5	6.378.902.573	6.688.540.296
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.817.000	66.505.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	13.400.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	49.817.000	53.105.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.105.660.616	27.324.400.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000	9.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		9.000.000	9.000.000
II. Tài sản cố định	220		22.492.535.339	21.183.095.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	18.425.368.683	21.145.179.064
- Nguyên giá	222		50.257.793.828	51.184.070.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.832.425.145)	(30.038.891.749)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.067.166.656	37.916.660
- Nguyên giá	228		4.110.500.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.333.344)	(27.083.340)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	4.889.250.613	4.939.250.613
1. Đầu tư dài hạn khác	258		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.912.582.707)	(7.862.582.707)
V. Tài sản dài hạn khác	260		714.874.664	1.193.053.963
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	714.874.664	1.193.053.963
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.648.593.985	47.220.644.474

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		137.063.871.478	133.731.779.365
I. Nợ ngắn hạn	310		125.766.871.478	122.399.279.365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	85.702.000.000	87.268.543.044
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	4.267.041.242	6.524.556.617
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	570.000.000	2.991.704.290
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.14	294.906.236	2.513.631.813
5. Chi phí phải trả	316	V.15	30.439.000	9.085.753.380
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	34.419.102.423	13.434.613.644
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.17	483.382.577	580.476.577
II. Nợ dài hạn	330		11.297.000.000	11.332.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	35.500.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	11.297.000.000	11.297.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(93.415.277.493)	(86.511.134.891)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(93.415.277.493)	(86.511.134.891)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.036.572.261	2.036.572.261
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.125.714.002	2.125.714.002
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(138.783.973.756)	(131.879.831.154)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		43.648.593.985	47.220.644.474

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
USD		-	507,94
EUR		-	237,83

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HƯNG
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26.527.690.639	85.791.827.328
2. Các khoản giảm trừ	03		2.376.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	26.525.314.275	85.791.827.328
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.078.400.322	77.372.047.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.446.913.953	8.419.780.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.473.379	47.521.948
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.738.314.831	24.496.726.522
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.688.314.831</i>	<i>17.079.143.815</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.598.644.683	3.932.367.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	(1.323.714.535)	115.607.476.121
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.554.857.647)	(135.569.268.403)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.815.918.012	1.116.370.580
12. Chi phí khác	32	VI.8	165.202.967	1.091.148.509
13. Lợi nhuận khác	40		1.650.715.045	25.222.071
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>(6.904.142.602)</u>	<u>(135.544.046.332)</u>
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(1.699)</u>	<u>(33.347)</u>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HƯNG
Tổng Giám đốc

HUỲNH VĂN ĐẠNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		32.192.386.131	102.839.328.976
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(15.399.490.921)	(76.248.034.289)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.988.905.777)	(6.048.570.299)
- Tiền chi trả lãi vay	04		(116.618.890)	(6.641.077.405)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(689.325.689)	(819.133.791)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.645.726.523	19.730.210.153
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.703.764.376)	(29.074.467.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.940.007.001	3.738.255.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(50.728.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		255.000.000	143.727.273
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.061.502	47.456.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		266.061.502	140.455.445
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	53.440.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.566.543.044)	(58.091.456.956)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(407.612.200)	(77.993.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.974.155.244)	(4.729.450.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		231.913.259	(850.739.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.193.390.356	2.044.064.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		180.384	65.776
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.425.483.999	1.193.390.356

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HÙNG
Tổng Giám đốc

HUỶNH VĂN ĐẶNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

MẪU B 09-DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản (sau đây gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát hiện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không sản xuất tại trụ sở);
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, , động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;
 - Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu dầm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
 - Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
 - Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
 - Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải thủy;
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cưa xẻ gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2007 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp tri động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 76 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 98 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ bảy của Công ty kể từ khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cổ tức hay lợi nhuận cho chủ sở hữu.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Ngày 25 tháng 04 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (gọi tắt là Thông tư 45). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 trong việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định từ năm 2013, Công ty đánh giá việc áp dụng Thông tư 45 này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân giá quyền theo tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng tài sản được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính khấu hao theo đường thẳng trong vòng 04 năm

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ theo đường thẳng với thời gian không quá 4 năm kể từ thời điểm phát sinh.

11. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty:

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (d) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Năm 2013 Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	88.152.641	498.088.813
+ Tiền mặt tại VND	88.152.641	498.088.813
(b) Tiền gửi ngân hàng	1.337.331.358	695.301.543
+ VND	1.337.331.358	678.107.575
+ USD quy đổi VND	-	10.593.089
+ EUR quy đổi VND	-	6.600.879
Cộng	1.425.483.999	1.193.390.356

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu khách hàng tại văn phòng (*)	106.202.121.099	114.076.876.552
Công nợ phải thu khách hàng của Trạm DV - BH Cà Mau	611.015.300	604.214.200
Cộng	<u>106.813.136.399</u>	<u>114.681.090.752</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu không có khả năng thu hồi của Công ty CP Aquafeed Cửu Long đã trích lập dự phòng là: 91.086.800.435 VND

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (*)	99.323.223.825	103.156.267.156
Dự phòng phải thu khác khó đòi (**)	19.696.962.957	19.696.962.957
Cộng	<u>119.020.186.782</u>	<u>122.853.230.113</u>

(*) Dự phòng phải thu khó có khả năng thu hồi Công ty CP Aquafeed Cửu Long: 91.086.800.435 VND.

(**) Dự phòng phải thu lãi khó có khả năng thu hồi của Công ty CP Aquafeed Cửu Long là 18.423.790.410 VND.

3. Trả trước cho người bán

- Công nợ trả trước cho người bán tại văn phòng	3.000.000	251.543.000
- Công nợ trả trước cho người bán của Trạm DV - BH Cà Mau	-	-
Cộng	<u>3.000.000</u>	<u>251.543.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	7.400.139	6.171.048
- Phải thu BHXH của CNV	10.021.676	1.950.558
- Phải thu khác (*)	19.875.358.365	19.860.283.277
Cộng	<u>19.892.780.180</u>	<u>19.868.404.883</u>

(*) Trong đó: công nợ phải thu của Công ty CP Aquafeed Cửu Long: 18.423.790.410 VND và đã được trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	381.302.898	564.451.109
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.410.621.517	1.133.160.762
- Thành phẩm	13.663.179	13.663.179
- Hàng hóa	4.573.314.979	4.977.265.246
Cộng	<u>6.378.902.573</u>	<u>6.688.540.296</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng	33.952.000	32.840.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.865.000	20.265.000
Cộng	<u>49.817.000</u>	<u>53.105.000</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	43.152.082.012	2.704.950.066	5.133.574.997	193.463.738	51.184.070.813
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Do mua sắm</i>	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	60.714.674	381.540.644	442.636.150	41.385.517	926.276.985
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	442.636.150	-	-
<i>Chuyển sang 242</i>	60.714.674	381.540.644	-	41.385.517	483.640.835
4. Số cuối năm	<u>43.091.367.338</u>	<u>2.323.409.422</u>	<u>4.690.938.847</u>	<u>152.078.221</u>	<u>50.257.793.828</u>
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	24.699.533.894	2.334.928.785	2.892.680.350	111.748.720	30.038.891.749
2. Tăng trong năm	2.183.663.042	51.333.502	337.968.989	5.398.296	2.578.363.829
<i>Trích khấu hao</i>	2.183.663.042	51.333.502	337.968.989	5.398.296	2.578.363.829
3. Giảm trong năm	45.758.055	363.414.882	345.809.455	29.848.041	784.830.433
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	345.809.455	-	-
<i>Chuyển sang 242</i>	45.758.055	363.414.882	-	29.848.041	393.262.923
4. Số cuối năm	<u>26.837.438.881</u>	<u>2.022.847.405</u>	<u>2.884.839.884</u>	<u>87.298.975</u>	<u>31.832.425.145</u>
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	18.452.548.118	370.021.281	2.240.894.647	81.715.018	21.145.179.064
2. Số cuối năm	<u>16.253.928.457</u>	<u>300.562.017</u>	<u>1.806.098.963</u>	<u>64.779.246</u>	<u>18.425.368.683</u>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.423.162.695 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.457.750.569 VND.

Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không.

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phản mền kế toán	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	-	65.000.000	65.000.000
2. Tăng trong năm	4.045.500.000	-	4.045.500.000
<i>Tăng khác</i>	<i>4.045.500.000</i>	<i>-</i>	<i>4.045.500.000</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	4.045.500.000	65.000.000	4.110.500.000
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	-	27.083.340	27.083.340
2. Tăng trong năm	-	16.250.004	16.250.004
<i>Trích khấu hao</i>	<i>-</i>	<i>16.250.004</i>	<i>16.250.004</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	-	43.333.344	43.333.344
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	-	37.916.660	37.916.660
2. Số cuối năm	4.045.500.000	21.666.656	4.067.166.656

Quyền sử dụng đất dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 3.180.500.000 VND

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	12.801.833.320	12.801.833.320
+ Công ty CP Aquafeed Cửu Long	7.203.840.000	7.203.840.000
+ Công ty CP Biển Tây (*)	4.835.000.000	4.835.000.000
+ Công ty Công trình Giao Thông 61 (*)	267.993.320	267.993.320
+ Công ty Thiết bị Máy Động Lực	445.000.000	445.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	50.000.000
Dự phòng khoản đầu tư	(7.912.582.707)	(7.862.582.707)
+ Dự phòng đầu tư Công ty CP Aquafeed Cửu Long	(7.203.840.000)	(7.203.840.000)
+ Dự phòng đầu tư Công ty Thiết bị Máy Động Lực	(445.000.000)	(445.000.000)
+ Dự phòng đầu tư Công ty CP Biển Tây	(213.742.707)	(213.742.707)
+ Dự phòng đầu tư Cty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Biển Đông	(50.000.000)	-
Cộng	4.889.250.613	4.939.250.613

(*) Khoản đầu tư chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2013.

Chi tiết các loại Cổ phiếu như sau:

Cổ phiếu	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
Công ty CP Aquafeed Cửu Long	720.384	7.203.840.000	720.384	7.203.840.000
Công ty CP Biển Tây	499.456	4.835.000.000	483.500	4.835.000.000
Công ty Công trình Giao Thông 61	26.666	267.993.320	26.666	267.993.320
Công ty Thiết bị Máy Động Lực	490	445.000.000	490	445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

10. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong	
			năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	1.080.680.903	50.735.000	474.874.572	656.541.331
Công cụ, dụng cụ	59.330.220	-	59.330.220	-
Chi phí khác	53.042.840	100.000.000	94.709.507	58.333.333
Cộng	1.193.053.963	150.735.000	628.914.299	714.874.664

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Công Thương - CN 1	25.090.000.000	25.288.543.044
+ VND	25.090.000.000	25.288.543.044
- Ngân hàng NN và PT Nông Thôn	60.612.000.000	61.980.000.000
+ VND	60.612.000.000	61.980.000.000
Cộng	85.702.000.000	87.268.543.044

Ngân hàng Công Thương Chi nhánh I

Số hợp đồng	38/2011/HĐTD-DNL
Ngày HD	09/09/2011
Hạn mức vay	40.000.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	25.090.000.000 VND
Hiệu lực của hạn mức	12 tháng
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng của Bên vay
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh BRVT, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh 63.610 m ²

Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam

Số hợp đồng	1700-LAV-200303133 và hợp đồng sử đổi ngày 28/02/2013
Ngày HD	01/07/2011
Hạn mức vay	72.000.000.000 VND
Số dư nợ cuối năm	60.612.000.000 VND
Hiệu lực của hạn mức	12 tháng
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh
Tài sản đảm bảo	Theo hợp đồng thuê chấp TS số 1700 - LCP-200401239 ngày 02/11/2004

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công nợ phải trả của Văn phòng (*)	3.516.847.257	4.809.016.437
- Công nợ phải trả của Trạm DV - BH Cà Mau	750.193.985	1.715.540.180
Cộng	<u>4.267.041.242</u>	<u>6.524.556.617</u>
(*) Chưa nhận thư xác nhận	3.066.571.054 VND	

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công nợ người mua trả trước tại văn phòng	570.000.000	2.991.704.290
Cộng	<u>570.000.000</u>	<u>2.991.704.290</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT		<u>Số còn phải nộp đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số còn phải nộp cuối năm</u>
I	Thuế	2.059.014.949	4.139.750.717	5.903.859.430	294.906.236
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	971.002.856	1.622.101.571	2.451.329.667	141.774.760
	<i>Văn phòng</i>	963.610.828	1.532.054.902	2.404.618.612	91.047.118
	<i>Chi nhánh</i>	7.392.028	90.046.669	46.711.055	50.727.642
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.325.689	-	689.325.689	-
3	Các loại thuế khác	398.686.404	2.517.649.146	2.763.204.074	153.131.476
	- Thuế TNCN	98.643.704	64.495.361	159.998.179	3.140.886
	- Thuế nhà đất	300.042.700	2.447.153.785	2.597.205.895	149.990.590
	- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
II	Cc khoản phải nộp khác	454.616.864	9.304.200	463.921.064	-
	Các khoản phí, lệ phí	454.616.864	9.304.200	463.921.064	-
	Tổng cộng	<u>2.513.631.813</u>	<u>4.149.054.917</u>	<u>6.367.780.494</u>	<u>294.906.236</u>

• **Thuế Giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất thuế GTGT hàng bán nội địa : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh IV.16)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay NH Nông Nghiệp và PTNT CN TPHCM	-	5.296.897.792
- Chi phí lãi vay NH Công Thương CN1	-	3.469.180.099
- Chi phí lãi vay cá nhân	-	18.056.577
- Chi phí lương	30.439.000	301.618.912
Cộng	30.439.000	9.085.753.380

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	202.544.047	199.291.541
- Phải trả về cổ phần hóa	-	300.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	926.120.000	796.940.000
- Các khoản phải trả, phải nộp	33.290.438.376	12.138.382.103
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV</i>	<i>9.509.787.653</i>	<i>9.008.237.333</i>
+ <i>Ngân Hàng TMCP Công Thương VN Chi Nhánh 1 TP HCM (lãi vay)</i>	<i>8.502.340.856</i>	-
+ <i>Ngân hàng NN&PTNT CN TP HCM (lãi vay)</i>	<i>13.861.675.817</i>	-
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>1.355.203.700</i>	<i>1.762.668.250</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>61.430.350</i>	<i>1.367.476.520</i>
Cộng	34.419.102.423	13.434.613.644

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	580.476.577	-	97.094.000	483.382.577
Cộng	580.476.577	-	97.094.000	483.382.577

18. Vay và nợ dài hạn

Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty TNHH MTV	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	11.297.000.000	11.297.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	3.687.149.392	49.055.845.655
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(135.544.046.332)	(135.544.046.332)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	(22.934.214)	(22.934.214)
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	(131.879.831.154)	(86.511.134.891)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(6.904.142.602)	(6.904.142.602)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	-	2.036.572.261	2.125.714.002	(138.783.973.756)	(93.415.277.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	19.470.000.000	19.470.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	22.530.000.000	22.530.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	559.410.000	559.410.000
Cộng	<u>42.559.410.000</u>	<u>42.559.410.000</u>

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	135.300	135.300
+ Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tổng doanh thu	26.527.690.639	85.791.827.328
+ Doanh thu bán hàng	4.450.397.350	59.709.338.515
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.215.645.436	11.932.720.577
+ Doanh thu đóng sửa tàu thuyền	10.851.425.380	14.144.835.236
+ Doanh thu khác	10.222.473	4.933.000
- Khoản giảm trừ doanh thu	2.376.364	-
+ Giảm giá hàng bán	2.376.364	-
Cộng	<u>26.525.314.275</u>	<u>85.791.827.328</u>

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng hóa	3.853.892.562	58.137.015.638
- Giá vốn dịch vụ	6.246.541.553	8.080.641.642
- Giá vốn thành phẩm	8.977.966.207	11.154.389.978
Cộng	<u>19.078.400.322</u>	<u>77.372.047.258</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
-		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.967.946	15.456.972
- Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư	6.325.049	31.999.200
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	180.384	65.776
Cộng	<u>11.473.379</u>	<u>47.521.948</u>

4. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay	13.688.314.831	17.079.143.815
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	50.000.000	7.417.582.707
Cộng	<u>13.738.314.831</u>	<u>24.496.726.522</u>

5. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	2.616.550.797	3.185.738.561
- Chi phí dụng cụ văn phòng	520.311.239	97.367.875
- Chi phí khấu hao	62.340.000	62.340.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.591.740	158.964.592
- Chi phí bằng tiền khác	393.850.907	427.956.750
Cộng	<u>3.598.644.683</u>	<u>3.932.367.778</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên	1.434.669.711	1.571.243.916
- Chi phí dụng cụ văn phòng	133.895.148	431.217.986
- Chi phí khấu hao	151.047.943	164.880.128
- Thuế, phí, lệ phí	1.906.700	1.669.900
- Dự phòng phải thu khó đòi	(3.833.043.331)	112.569.402.723
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.545.761	69.207.199
- Chi phí bằng tiền khác	766.263.533	799.854.269
Cộng	<u>(1.323.714.535)</u>	<u>115.607.476.121</u>

7. Thu nhập khác

- Thanh lý tài sản	233.775.455	993.727.273
- Thu nhập từ chuyển giao Quyền sử dụng đất	1.052.453.636	-
- Lãi góp vốn đầu tư Mạc Thị Bưởi	159.707.680	-
- Lãi chậm thanh toán	13.585.833	117.843.307
- Vi phạm hợp đồng	356.395.408	-
- Thu nhập khác	-	4.800.000
Cộng	<u>1.815.918.012</u>	<u>1.116.370.580</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
-		
- Thanh lý tài sản	96.826.695	633.827.471
- Phạt chậm nộp	68.376.272	454.616.864
- Chi phí khác	-	2.704.174
Cộng	165.202.967	1.091.148.509

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng lợi nhuận trước thuế	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	204.445.922	622.365.118
<i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>192.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
<i>Phạt vi phạm thuế, bảo hiểm</i>	<i>12.445.922</i>	<i>466.365.118</i>
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	6.325.049	31.999.200
<i>Cổ tức nhận từ Công ty đầu tư</i>	<i>6.325.049</i>	<i>31.999.200</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	(6.706.021.729)	(134.953.680.414)
- Thuế suất	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
- Chi phí thuế TNDN được giảm 30%	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)

10. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.904.142.602)	(135.544.046.332)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.064.700	4.064.700
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.699)	(33.347)

VII. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa chi	1.355.203.700	1.762.668.250
Chi phí lãi vay phải trả	13.571.695.941	10.098.104.498

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm nay	407.612.200	-
Chi phí lãi vay năm trước trả trong năm nay	116.618.890	391.291.308
Chi phí trích trước tiền lương trả trong năm nay	285.452.912	689.967.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam	Đại diện vốn Nhà nước

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam		
Vay tiền trong năm	2.555.440.000	5.000.000.000
Trả tiền vay	2.053.889.680	5.000.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng, thù lao	840.996.263	1.058.382.771
Cộng	840.996.263	1.058.382.771

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam		
Phải trả tiền vay	19.241.550.320	18.740.000.000
Phải trả cổ tức	1.300.000.000	1.700.000.000
Phải trả lãi vay	1.565.237.333	1.565.237.333
Phải trả về cổ phần hóa	-	300.000.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận bán hàng hóa, Bộ phận bán các thành phẩm và Bộ phận cung cấp dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 hoạt động kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận bán hàng hóa: phụ tùng máy móc thiết bị...
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: cho thuê kho, bãi, cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, điện, nước...
- Bộ phận bán các thành phẩm: đóng tàu, sửa chữa tàu, sửa chữa xà lan, gia công cơ khí...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	18.400.631.099	17.372.533.862	6.493.164.686	42.266.329.647
Tài sản phân bổ		702.929.822	679.334.516	1.382.264.338
Tổng tài sản				43.648.593.985
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	126.847.896.434	1.143.804.290	6.786.861.836	134.778.562.560
Nợ phải trả phân bổ	342.459.317	988.007.025	954.842.576	2.285.308.918
Tổng nợ phải trả				137.063.871.478
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	20.048.592.595	19.022.415.052	6.956.246.471	46.027.254.118
Tài sản phân bổ	835.373.249	167.074.650	190.942.457	1.193.390.356
Tổng tài sản				47.220.644.474
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	119.399.146.459	2.112.257.385	9.706.743.708	131.218.147.552
Nợ phải trả phân bổ	1.759.542.269	351.908.454	402.181.090	2.513.631.813
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				133.731.779.365

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Năm nay				
Doanh thu bộ phận	4.450.397.350	11.225.867.909	10.849.049.016	26.525.314.275
Chi phí hoạt động phân bổ	(3.886.481.377)	(8.083.426.076)	(9.383.423.017)	(21.353.330.470)
Chi phí tài chính	(13.254.517.784)		(433.797.047)	(13.688.314.831)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.690.601.811)	3.142.441.833	1.031.828.952	(8.516.331.026)
Doanh thu tài chính	11.473.379			11.473.379
Lãi khác	1.650.715.045			1.650.715.045
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(50.000.000)			(50.000.000)
Lợi nhuận trước thuế	(11.078.413.387)	3.142.441.833	1.031.828.952	(6.904.142.602)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(6.904.142.602)

	Hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Đóng sửa tàu thuyền	Cộng
Năm trước				
Doanh thu bộ phận	59.709.338.515	11.937.653.577	14.144.835.236	85.791.827.328
Chi phí hoạt động	(168.256.054.650)	(10.120.501.341)	(18.535.335.166)	(196.911.891.157)
Chi phí tài chính	(16.225.186.625)	(170.791.438)	(683.165.753)	(17.079.143.815)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(124.771.902.760)	1.646.360.798	(5.073.665.683)	(128.199.207.644)
Doanh thu tài chính	47.521.948			47.521.948
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	25.222.071			25.222.071
Lãi khác	(7.417.582.707)			(7.417.582.707)
Lợi nhuận trước thuế				(135.544.046.332)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(135.544.046.332)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động ở công ty chủ yếu diễn ra ở thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra công ty còn có trạm dịch vụ Cà Mau.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.425.483.999	1.193.390.356
Phải thu khách hàng (*)	7.489.912.574	11.524.823.596
Các khoản phải thu khác	178.395.408	-
Ký quỹ ngắn hạn	15.865.000	20.265.000
Ký quỹ dài hạn	9.000.000	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	4.889.250.613	4.939.250.613
Cộng	<u>14.007.907.594</u>	<u>17.686.729.565</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	85.702.000.000	87.268.543.044
Phải trả người bán	4.267.041.242	6.524.556.617
Chi phí phải trả	-	8.799.260.468
Các khoản phải trả khác	34.216.558.376	12.935.322.103
Nợ dài hạn	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	<u>135.482.599.618</u>	<u>126.824.682.232</u>

() Xem thêm phần rủi ro thanh khoản*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty hoạt động kinh doanh chính bán hàng hóa, bán máy móc, phụ tùng thiết bị, cho nên Công ty chịu sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành, và bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty CP Aquafeed Cửu Long, Công ty TNHH Vượt Sóng, Công ty CP Biển Tây... Công ty đã lập dự phòng phải thu tất cả các khoản công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các công ty này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	85.702.000.000	-	-	85.702.000.000
Phải trả người bán	4.267.041.242	-	-	4.267.041.242
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	34.216.558.376	-	-	34.216.558.376
Nợ dài hạn	-	-	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	124.185.599.618	-	11.297.000.000	135.482.599.618

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	87.268.543.044	-	-	87.268.543.044
Phải trả người bán	6.524.556.617	-	-	6.524.556.617
Chi phí phải trả	8.799.260.468	-	-	8.799.260.468
Các khoản phải trả khác	12.935.322.103	-	-	12.935.322.103
Nợ dài hạn	-	-	11.297.000.000	11.297.000.000
Cộng	115.527.682.232	-	11.297.000.000	126.824.682.232

Tại ngày 31/12/2013, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.019.308.743 VND, phải trả khác: 33.290.438.376 VND. Tại ngày 01/01/2013, công nợ phải trả quá hạn thanh toán như sau: phải trả người bán: 3.019.308.743 VND, phải trả khác: 9.377.177.333 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao. Nhiều khoản nợ vay đến hạn nhưng vẫn chưa có nguồn để thanh toán, các khoản phải trả khác quá hạn nhiều năm cũng không có khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty khó có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn nếu không có sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn của Công ty.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.425.483.999	-	-	1.425.483.999
Phải thu khách hàng	7.489.912.574	-	-	7.489.912.574
Các khoản phải thu khác	178.395.408	-	-	178.395.408
Ký quỹ ngắn hạn	15.865.000	-	-	15.865.000
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.889.250.613	-	4.889.250.613
Cộng	9.109.656.981	4.898.250.613	-	14.007.907.594

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.193.390.356	-	-	1.193.390.356
Phải thu khách hàng	11.524.823.596	-	-	11.524.823.596
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	20.265.000	-	-	20.265.000
Ký quỹ dài hạn	-	9.000.000	-	9.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	4.939.250.613	-	4.939.250.613
Cộng	12.738.478.952	4.948.250.613	-	17.686.729.565

Khoản thu khách hàng và khoản phải thu khác quá hạn thanh toán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số công nợ phải thu. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn này.

Tại ngày 31/12/2013, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 106.813.136.399 VND đã trích lập dự phòng số tiền 99.323.223.825 VND. Tổng công nợ phải thu khác quá hạn là 19.696.962.957 VND được trích lập dự phòng toàn bộ. Tại ngày 01/01/2013, tổng công nợ phải thu khách hàng quá hạn là 110.855.897.969 VND đã trích lập dự phòng 103.156.267.156 VND; tổng công nợ phải thu khác là 19.696.962.957 VND đã trích dự phòng toàn bộ.

Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là công ty CP Aquafeed Cửu Long, không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng như sau: Tại ngày 31/12/2013, công nợ phải thu tiền hàng 91.086.800.435 VND và công nợ phải thu tiền lãi chậm trả 18.423.790.410 VND đã được trích lập dự phòng toàn bộ.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

211 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



TRƯƠNG TÙNG HƯNG
Tổng Giám đốc

HUỶNH VĂN ĐẠNG THỊ LỆ HOA
Kế toán trưởng

ĐÀO THỊ NHƯ HƯƠNG
Người lập biểu



Ha Noi Branch

- 209 Giang Vo St., Cat Linh Ward, Dong Da Dist., Ha Noi City
- Tel : (84-04) 3512 2655
- Fax : (84-04) 3512 2805
- Email : hanoi@vietlandaudit.com.vn

Kontum Representative Office

- No.1 Tran Nhan Ton St., Thang Loi Ward, Kontum City, Kontum
- Tel : (84-060) 3958 111
- Fax : (84-060) 3958 222
- Email : kontum@vietlandaudit.com.vn

Nha Trang Representative Office

- ACB Nha Trang Building, 3rd Fl., 80 Quang Trung St., Nha Trang City
- Tel : (84-058) 3522 767
- Fax : (84-058) 3522 795
- Email : nhatrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Thuan Representative Office

- 371 Tran Hung Dao, Phan Thiet City, Binh Thuan
- Tel : (84-062) 6250 237
- Fax : (84-062) 6250 236
- Email : binhthuan@vietlandaudit.com.vn

Vung Tau Representative Office

- 34 Binh Gia St., Ward 8, Vung Tau City, BRVT
- Tel : (84-064) 3583 261
- Fax : (84-064) 3583 605
- Email : vungtau@vietlandaudit.com.vn

Tien Giang Representative Office

- 76 Rach Gam St., Ward 1, My Tho City, Tien Giang
- Tel : (84-073) 3978 484
- Fax : (84-073) 3978 485
- Email : tiengiang@vietlandaudit.com.vn

Kien Giang Representative Office

- Lot C13 - 50 Bai Van Ba Street, Quarter 4, Vinh Lac Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province.
- Tel : (84-077) 3929 239
- Fax : (84-077) 3929 200
- Email : kiengiang@vietlandaudit.com.vn

Bac Lieu Representative Office

- 200 Nguyen Van Linh St., (New Urban Area), Ward 1, Bac Lieu City.
- Tel : (84-0781) 6255 022
- Fax : (84-0781) 6255 052
- Email : baclieu@vietlandaudit.com.vn

Ca Mau Representative Office

- 113 Phan Ngoc Hien St., Ward 5, Ca Mau City
- Tel : (84-0780) 3551 919
- Fax : (84-0780) 3551 918
- Email : camau@vietlandaudit.com.vn

Binh Dinh Representative Office

- March 30th street, (Vinh Liem Area) Binh Dinh Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province.
- Tel : (84-056) 363 55 68
- Fax : (84-056) 363 55 68
- Email : binhding@vietlandaudit.com.vn